

Số: 74/2025/QĐST-HNGĐ

H, ngày 05 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Bùi Đức B, sinh ngày 20/8/1982

Nơi thường trú: Số xxx, ngách xxx/xxx/xxx/xxx, đường p, thị trấn VhuyệT T, thành phố H (Nay là số xxx, ngách xxx/xxx/xxx/xxx, đường P, xã Đ, thành phố H).

Căn cước công dân số: 017082000508; Ngày cấp: 15/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- **Bị đơn:** Chị Đỗ Lan A, sinh ngày 31/01/1984

Nơi thường trú: Số xxx, ngách xxx/xxx/xxx/xxx, đường p, thị trấn VhuyệT T, thành phố H (Nay là số xxx, ngách xxx/xxx/xxx/xxx, đường P, xã Đ, thành phố H).

Căn cước công dân số: 001186017262; Ngày cấp: 11/6/2024; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Đức B và chị Đỗ Lan A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Bùi Đức B và chị Đỗ Lan A có hai con chung là cháu Bùi Huyền A, sinh ngày 14/7/2006 và cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 15/7/2007. Cháu Huyền A và cháu Q đã đủ 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự nên anh B và chị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nên Tòa không xét.

- **Về tài sản chung, nhà đất chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Bùi Đức B tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào số 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai số 0057772 ngày 06 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – H). Trả lại anh Bùi Đức B 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 – H;
- UBND thị trấn V (nay là xã T) (Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 14/02/2006);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương

